

## LỜI MỞ ĐẦU

Luật Dân số được Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 và thay thế Pháp lệnh Dân số số 06/2003/PL-UBTVQH11 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 07/2025/UBTVQH15.

Luật Dân số đã thể chế hóa kịp thời chủ trương của Đảng về dân số và khắc phục các hạn chế, tồn tại; đáp ứng yêu cầu công tác dân số phát triển trong tình hình mới. Lấy người dân làm trung tâm cho mọi hoạt động liên quan đến công tác dân số trên cơ sở tăng cường khả năng tiếp cận với các dịch vụ dân số và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Nhằm tuyên truyền, phổ biến những quy định của Luật Dân số, với mục tiêu là nâng cao chất lượng dân số về thể chất ngay từ giai đoạn đầu đời thông qua tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh và sơ sinh góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để phát triển đất nước; xây dựng các giải pháp thích ứng với già hóa dân số; Sở Tư pháp thành phố Đồng Nai biên soạn tài liệu “Hỏi – Đáp Luật Dân số” tuyên truyền đến cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn thành phố.

Sở Tư pháp trân trọng giới thiệu!

### **Câu 1: Kế hoạch hóa gia đình được hiểu như thế nào?**

#### **Đáp:**

Tại khoản 6 Điều 2 Luật Dân số quy định:

*Kế hoạch hóa gia đình* là nỗ lực của Nhà nước, xã hội, gia đình để mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chủ động, tự nguyện quyết định số con, thời gian sinh con và khoảng cách giữa các lần sinh nhằm bảo vệ sức khỏe, nuôi dạy con có trách nhiệm, phù hợp với điều kiện sống của gia đình và chuẩn mực xã hội.

### **Câu 2: Mức sinh thay thế được hiểu như thế nào?**

#### **Đáp:**

Tại khoản 7 Điều 2 Luật Dân số quy định:

*Mức sinh thay thế* là mức sinh tính bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sinh 2,1 con.

### **Câu 3: Dịch vụ dân số được hiểu như thế nào?**

#### **Đáp:**

Tại khoản 12 Điều 2 Luật Dân số quy định:

*Dịch vụ dân số* là các hoạt động phục vụ công tác dân số, bao gồm cung cấp thông tin, dữ liệu dân số; truyền thông, vận động, giáo dục về dân số; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, dịch vụ nâng cao chất lượng dân số, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

### **Câu 4: Ngày Dân số Việt Nam là ngày nào?**

#### **Đáp:**

Tại khoản 1 Điều 5 Luật Dân số quy định:

Ngày Dân số Việt Nam là ngày 26 tháng 12 hằng năm.

### **Câu 5: Tháng hành động quốc gia về Dân số là tháng nào?**

#### **Đáp:**

Tại khoản 2 Điều 5 Luật Dân số quy định:

Tháng hành động quốc gia về Dân số là tháng 12 hằng năm.

### **Câu 6: Theo Luật Dân số, các hành vi nào bị nghiêm cấm?**

#### **Đáp:**

Tại Điều 6 Luật Dân số quy định:

1. Tuyên truyền, phổ biến hoặc đưa thông tin có nội dung sai sự thật, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số.

2. Cản trở việc tuyên truyền, giáo dục, vận động phổ biến thông tin, tư vấn về dân số, kế hoạch hóa gia đình, tiếp cận dịch vụ dân số.

3. Lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức; thông báo, tiết lộ giới tính thai nhi, trừ trường hợp do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định để phục vụ chẩn đoán và điều trị các bệnh liên quan đến giới tính.

4. Cường bức, ép buộc việc sinh con hoặc không sinh con.

5. Kỳ thị, phân biệt đối xử trong tiếp cận dịch vụ dân số.

6. Nhân bản vô tính người.

### **Câu 7: Chính sách của Nhà nước về dân số được quy định như thế nào?**

#### **Đáp:**

Tại Điều 7 Luật Dân số quy định:

1. Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện chính sách dân số và phát triển thông qua các biện pháp duy trì mức sinh thay thế, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số trong mối quan hệ với các yếu tố kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

2. Thực hiện chính sách dân số và phát triển là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của mỗi cá nhân, gia đình, doanh nghiệp, tổ chức và toàn xã hội. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo và huy động xã hội thực hiện chính sách dân số.

3. Có chính sách nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần; bảo vệ, phát triển dân số đối với các dân tộc thiểu số rất ít người.

4. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, có chính sách phù hợp hỗ trợ cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi con thông qua các chính sách lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, nhà ở và chính sách khác để gia tăng tỷ lệ sinh, đạt mức sinh thay thế bền vững; ưu tiên đối với tỉnh, thành phố có mức sinh dưới mức sinh thay thế.

5. Có chính sách thích ứng với già hóa dân số; phát triển mạng lưới bệnh viện lão khoa, chuyên khoa lão trong bệnh viện đa khoa; phát triển các hoạt động chăm sóc người cao tuổi; bảo đảm người cao tuổi được tiếp cận thuận lợi với dịch vụ y tế, môi trường xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội; khuyến khích chuẩn bị cho tuổi già khi còn trẻ; khuyến khích, ưu đãi doanh nghiệp, tổ chức tham gia, sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ dành cho người cao tuổi theo quy định của pháp luật; hỗ trợ người cao tuổi về lao động, việc làm, an sinh xã hội, tham gia khởi nghiệp, phát triển kinh tế, tham gia chuyển đổi số; phát triển bảo hiểm chăm sóc dài hạn, các hình thức bảo hiểm sức khỏe khác. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực lão khoa. Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực lão khoa.

6. Có chính sách phân bố dân cư thông qua các quy hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh phù hợp với từng khu vực, từng vùng, từng ngành, từng địa phương.

7. Ưu tiên, hỗ trợ thực hiện công tác dân số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

8. Bảo đảm nguồn lực thực hiện công tác dân số; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các chương trình, đề án, dự án về dân số và phát triển. Có chính sách củng cố hệ thống, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực của đội ngũ làm công tác dân số; phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

9. Có chính sách đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực dân số.

10. Có chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng và cơ chế ưu đãi khác theo quy định của pháp luật để khuyến khích, động viên, huy động nguồn lực xã hội tham gia công tác dân số.

11. Khuyến khích người sử dụng lao động hỗ trợ, tạo điều kiện cho người lao động thực hiện các biện pháp duy trì mức sinh thay thế, thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số.

**Câu 8: Việc truyền thông, vận động, giáo dục về dân số nhằm mục đích gì?**

**Đáp:**

Tại khoản 1 Điều 8 Luật Dân số quy định:

Truyền thông, vận động, giáo dục về dân số nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi, tạo sự đồng thuận và ủng hộ tích cực của toàn xã hội để giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về dân số gắn với phát triển nhanh và bền vững đất nước.

**Câu 9: Việc truyền thông, vận động, giáo dục về dân số phải bảo đảm các yêu cầu nào?**

**Đáp:**

Tại khoản 2 Điều 8 Luật Dân số quy định:

Việc truyền thông, vận động, giáo dục về dân số phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

(1) Chính xác, khoa học, kịp thời, rõ ràng, dễ hiểu, thiết thực;

(2) Phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, đạo đức xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, phát huy giá trị gia đình, gắn kết cộng đồng, xóa bỏ định kiến giới;

(3) Phù hợp với đặc điểm của địa bàn, nhóm đối tượng được truyền thông, vận động, giáo dục về dân số.

**Câu 10: Việc truyền thông, vận động, giáo dục về dân số gồm các nội dung nào?**

Tại Điều 9 Luật Dân số quy định:

1. Đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số.
2. Vai trò của cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con để bảo đảm phát triển bền vững đất nước và hạnh phúc của người dân.
3. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, gia đình, người sử dụng lao động; lợi ích của cộng đồng, xã hội và quốc gia trong thực hiện công tác dân số.
4. Ưu tiên truyền thông, vận động, giáo dục về các nội dung sau đây:
  - a) Khuyến khích kết hôn, sinh con để duy trì mức sinh thay thế; giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết;
  - b) Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, hệ lụy của việc mất cân bằng giới tính khi sinh;
  - c) Thích ứng với già hoá dân số, chuẩn bị cho tuổi già ngay từ khi còn trẻ;
  - d) Khuyến khích người dân chăm sóc sức khỏe phù hợp với từng nhóm đối tượng; chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khoẻ trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; dự phòng vô sinh, điều trị vô sinh;
  - đ) Thúc đẩy xóa bỏ định kiến giới, nâng cao vai trò của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình và cộng đồng.
5. Đưa nội dung dân số vào chương trình giáo dục phù hợp với từng cấp học.

**Câu 11: Quyền và nghĩa vụ của mỗi cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con, chăm sóc sức khỏe sinh sản được quy định như thế nào?**

**Đáp**

Tại Điều 13 Luật Dân số quy định:

1. Quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, thu nhập và nuôi dạy con của mỗi cá nhân, cặp vợ chồng trên cơ sở bình đẳng.
2. Bảo vệ sức khỏe, thực hiện các biện pháp phòng ngừa bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản, bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS và thực hiện biện pháp khác liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản.

**Câu 12: Các biện pháp để duy trì mức sinh thay thế được quy định như thế nào?**

**Đáp**

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Dân số quy định:

(1) Trường hợp sinh con thứ hai, thời gian nghỉ thai sản đối với lao động nữ là 07 tháng; lao động nam là 10 ngày làm việc khi vợ sinh con;

(2) Hỗ trợ tài chính khi sinh con đối với phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người;

(3) Hỗ trợ tài chính khi sinh con đối với phụ nữ ở tỉnh, thành phố có mức sinh dưới mức sinh thay thế;

(4) Hỗ trợ tài chính khi sinh con đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi;

(5) Ưu tiên mua, thuê mua hoặc thuê nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở đối với người có từ 02 con đẻ trở lên;

(6) Biện pháp khác do Chính phủ quyết định.

**Câu 13: Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

Tại Điều 15 Luật Dân số quy định:

1. Khuyến khích đưa nội dung không trọng nam hơn nữ, không lựa chọn giới tính khi sinh vào hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

2. Đình chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người có hành vi thông báo, tiết lộ giới tính thai nhi để phá thai và việc đình chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh này thực hiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

3. Định kỳ hằng năm, Cơ quan thống kê trung ương công bố tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh để Chính phủ, chính quyền địa phương cấp tỉnh xây dựng, thực hiện biện pháp can thiệp phù hợp để giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.

**Câu 14: Thích ứng với già hóa dân số gồm các biện pháp nào?**

**Đáp:**

Tại Điều 16 Luật Dân số quy định:

1. Chủ động chuẩn bị cho tuổi già.

2. Chăm sóc người cao tuổi.

3. Phát triển nguồn nhân lực chăm sóc người cao tuổi.

4. Các biện pháp về phụng dưỡng, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi theo quy định của pháp luật về người cao tuổi, pháp luật khác có liên quan.

5. Các biện pháp thích ứng với già hóa dân số khác theo quy định của pháp luật có liên quan; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 15: Cá nhân chủ động chuẩn bị cho tuổi già ngay từ khi còn trẻ thông qua các hoạt động nào?**

**Đáp:**

Tại khoản 1 Điều 17 Luật Dân số quy định:

Cá nhân chủ động chuẩn bị cho tuổi già ngay từ khi còn trẻ thông qua các hoạt động sau đây:

- (1) Chuẩn bị về sức khỏe, tài chính, tâm lý;
- (2) Tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;
- (3) Tham gia học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng để duy trì sức khỏe thể chất, tinh thần và chức năng xã hội;
- (4) Tham gia các hoạt động hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi;
- (5) Các hoạt động khác chuẩn bị cho tuổi già.

**Câu 16: Các hình thức chăm sóc người cao tuổi được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

Tại khoản 2 Điều 18 Luật Dân số quy định:

- (1) Tự chăm sóc;
- (2) Chăm sóc tại nhà;
- (3) Chăm sóc tại cộng đồng;
- (4) Chăm sóc tại cơ sở chăm sóc người cao tuổi, chăm sóc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về người cao tuổi.

**Câu 17: Các biện pháp hỗ trợ việc chăm sóc người cao tuổi được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

Tại khoản 3 Điều 18 Luật Dân số quy định:

- (1) Cung cấp kiến thức, hướng dẫn kỹ năng để người cao tuổi duy trì, nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần và chức năng xã hội;
- (2) Hỗ trợ người thân trong gia đình thực hiện chăm sóc người cao tuổi thông qua tập huấn, tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật phù hợp;
- (3) Phát triển mạng lưới tình nguyện viên, câu lạc bộ, nhóm tự giúp nhau.

**Câu 18: Tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

Tại Điều 20 Luật Dân số quy định:

1. Khuyến khích nam, nữ chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và khả năng cân đối ngân sách nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định việc hỗ trợ kinh phí tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.

**Câu 19: Sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

Tại Điều 21 Luật Dân số quy định:

1. Khuyến khích khám sàng lọc bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh cho phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh theo danh mục bệnh cần sàng lọc do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.

2. Kinh phí khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế theo lộ trình tăng mức đóng bảo hiểm y tế và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và khả năng cân đối nguồn ngân sách nhà nước:

a) Chính phủ quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, mức hỗ trợ khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh theo lộ trình ưu tiên;

b) Chính quyền địa phương cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định việc mở rộng phạm vi, bổ sung đối tượng và mức hỗ trợ khám sàng lọc bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh quy định tại điểm a khoản này.

3. Việc chẩn đoán, điều trị bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh thực hiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và pháp luật về bảo hiểm y tế.

**Câu 20: Chăm sóc sức khỏe sinh sản được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

Tại Điều 22 Luật Dân số quy định:

1. Cá nhân, cặp vợ chồng được quyền tiếp cận đầy đủ, bình đẳng và không bị phân biệt đối xử trong tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; tự đưa ra quyết định liên quan đến sức khỏe sinh sản trên cơ sở hiểu biết, tự nguyện và tôn trọng quyền, lợi ích của cá nhân.

2. Dự phòng vô sinh thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng bệnh, pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; điều trị vô sinh thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng bệnh, pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và pháp luật về bảo hiểm y tế.

3. Căn cứ tình hình thực tiễn, chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định triển khai thực hiện hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đơn vị hành

chính cấp xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; xã thuộc khu vực biên giới đất liền.

**Câu 21: Nguồn tài chính cho công tác dân số được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

Tại Điều 23 Luật Dân số quy định:

1. Ngân sách nhà nước.
2. Quỹ bảo hiểm xã hội, Quỹ bảo hiểm y tế.
3. Kinh phí chi trả của người sử dụng dịch vụ dân số.
4. Viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
5. Các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

**Câu 22: Việc xây dựng, phát triển nhân lực làm công tác dân số được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

Tại Điều 25 Luật Dân số quy định:

1. Người trực tiếp, thường xuyên quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động về dân số được đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc; được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật, đặc biệt ưu tiên đối với người tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

2. Cộng tác viên dân số được bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế; được hưởng các chính sách, chế độ theo quy định của Chính phủ.

**Câu 23: Nội dung quản lý nhà nước về dân số được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

Tại khoản 1 Điều 27 Luật Dân số quy định:

(1) Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về dân số;

(2) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về dân số;

(3) Đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực làm công tác dân số; truyền thông, vận động, giáo dục, phổ biến kiến thức, pháp luật về dân số;

(4) Tổ chức nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong công tác dân số;

(5) Phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số, kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan phục vụ công tác hoạch định chính sách dân số;

(6) Hợp tác quốc tế về dân số;

(7) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về dân số; khen thưởng trong công tác dân số;

(8) Nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Câu 24: Nội dung quản lý nhà nước về dân số của chính quyền địa phương được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

Tại khoản 5 Điều 27 Luật Dân số quy định:

Chính quyền địa phương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình hoặc theo phân cấp, thực hiện quản lý nhà nước về dân số. Chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định việc hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi chưa có thẻ bảo hiểm y tế căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

**Câu 25: Trách nhiệm của tổ chức kinh tế và tổ chức khác, gia đình, cá nhân về công tác dân số được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

Tại Điều 28 Luật Dân số quy định:

1. Thực hiện quy định của pháp luật có liên quan đến công tác dân số.
2. Thực hiện cuộc vận động của Đảng và Nhà nước về công tác dân số.
3. Tôn trọng quyền và lợi ích của cá nhân, gia đình; lợi ích của cộng đồng, xã hội và quốc gia trong thực hiện công tác dân số.
4. Thành viên trong gia đình có trách nhiệm giúp đỡ nhau thực hiện chính sách, pháp luật về dân số.

**Câu 26: Thời gian lao động nữ được nghỉ thai sản trước và sau khi sinh được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

Tại khoản 1 Điều 29 Luật Dân số quy định:

Lao động nữ được nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con là 06 tháng; trường hợp sinh con thứ hai, lao động nữ được nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con là 07 tháng; thời gian nghỉ trước khi sinh không quá 02 tháng.

Trường hợp lao động nữ sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ hai trở đi, cứ mỗi con, người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng.

**Câu 27: Lao động nam đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc khi vợ sinh đôi hoặc sinh con thứ hai trở lên được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản với thời gian như thế nào?**

**Đáp:**

Tại khoản 2 Điều 29 Luật Dân số quy định:

Trường hợp vợ sinh đôi hoặc vợ sinh con thứ hai thì được nghỉ 10 ngày làm việc. Trường hợp sinh ba trở lên thì được nghỉ thêm 03 ngày làm việc cho mỗi con tính từ con thứ ba trở đi./.